

THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

CHƯƠNG 4: THUẾ QUAN

ThS. Đàm Thị Phương Thảo
Khoa Kinh tế và Kinh doanh quốc tế
Đại học Kinh tế - ĐHQGHN

Nội dung chính

- ❖ Khái niệm và phân loại thuế quan
- ❖ Tác dụng chung của thuế quan
- ❖ Chi phí và lợi ích của thuế quan
- ❖ Tỷ lệ bảo hộ hiệu quả

Khái niệm, phân loại thuế quan

Khái niệm:

- Thuế quan là một loại thuế đánh vào hàng hóa khi nó được vận chuyển xuyên qua biên giới quốc gia.
- **Thuế quan là biện pháp hạn chế thương mại quan trọng nhất và được sử dụng như một công cụ chủ yếu để bảo hộ thị trường nội địa.**
- Với quá trình tự do hóa ngày càng gia tăng, mức thuế quan đánh vào hàng hóa có xu hướng giảm xuống đáng kể.

Khái niệm, phân loại thuế quan

Phân loại:

Xét theo đối tượng chịu thuế:

- Thuế quan nhập khẩu (import tariff) – là loại thuế đánh vào hàng hóa nhập khẩu
- Thuế quan xuất khẩu (export tariff) – là loại thuế đánh vào hàng hóa xuất khẩu
- Thuế quan quá cảnh - là loại thuế đánh vào hàng hóa khi nó đi qua lãnh thổ trung gian của một nước.

Thuế quan tiêu thụ đặc biệt

Sản phẩm/ dịch vụ	Thuế suất (%)
Xi gà/thuốc lá	75
Rượu mạnh/rượu vang	
a) Rượu từ 20 độ trở lên	65
b) Rượu dưới 20 độ	35
Bia	65
Xe ô tô dưới 24 chỗ ngồi	10 - 150
Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh có dung tích xi lanh trên 125 cm ³	20
Tàu bay	30
Du thuyền	30
Xăng	7- 10
Điều hoà nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống	10
Bài lá	40
Vàng mã, hàng mã	70
Kinh doanh vũ trường	40
Kinh doanh mát-xa, ka-ra-ô-kê	30
Kinh doanh ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng	35
Kinh doanh đặt cược	30
Kinh doanh gôn (golf)	20
Kinh doanh xổ số	15

<https://www.pwc.com/vn/vn/publications/2019/pwc-vietnam-pocket-tax-book-2019-vn.pdf>

Khái niệm, phân loại thuế quan

Phân loại:

Xét theo mục đích đánh thuế:

- Thuế quan bảo hộ (**protective tariff**) – là loại thuế được đặt ra nhằm bảo vệ các nhà sản xuất nội địa chống lại sự cạnh tranh của hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài
- Thuế quan nhằm tăng doanh thu (**revenue tariff**) – là loại thuế được đặt ra nhằm mục đích tăng nguồn thu cho chính phủ. Loại thuế này có thể đánh vào cả hàng hóa xuất khẩu và hàng hóa nhập khẩu.

Thuế quan doanh thu:

Chỉ tiêu	Quyết toán 2004 (tỷ VND)	% Tổng thu và viện trợ	% GDP	Ước thực hiện 2005 (tỷ VND)	% Tổng thu và viện trợ	% GDP
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu và TTĐB hàng nhập khẩu của Việt Nam	21,614	10.88	3.02	23,645	10.89	2.82

Thuế quan bảo hộ:

Nhật Bản nhưng vẫn giữ mức thuế **3,5%** đối với thủy sản tươi sống và **7,3%** đối với thủy sản chế biến của Việt Nam nhập khẩu vào nước này, mặc dù đã có hai hiệp định thương mại với Việt Nam là Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Nhật Bản (VJFTA) và Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện ASEAN – Nhật Bản (AJCEP),

Khái niệm, phân loại thuế quan

Phân loại:

Xét theo phương pháp đánh thuế:

- Thuế quan tính theo giá trị (ad valorem tariff) - là một tỷ lệ phần trăm nhất định trên giá trị của hàng hóa.

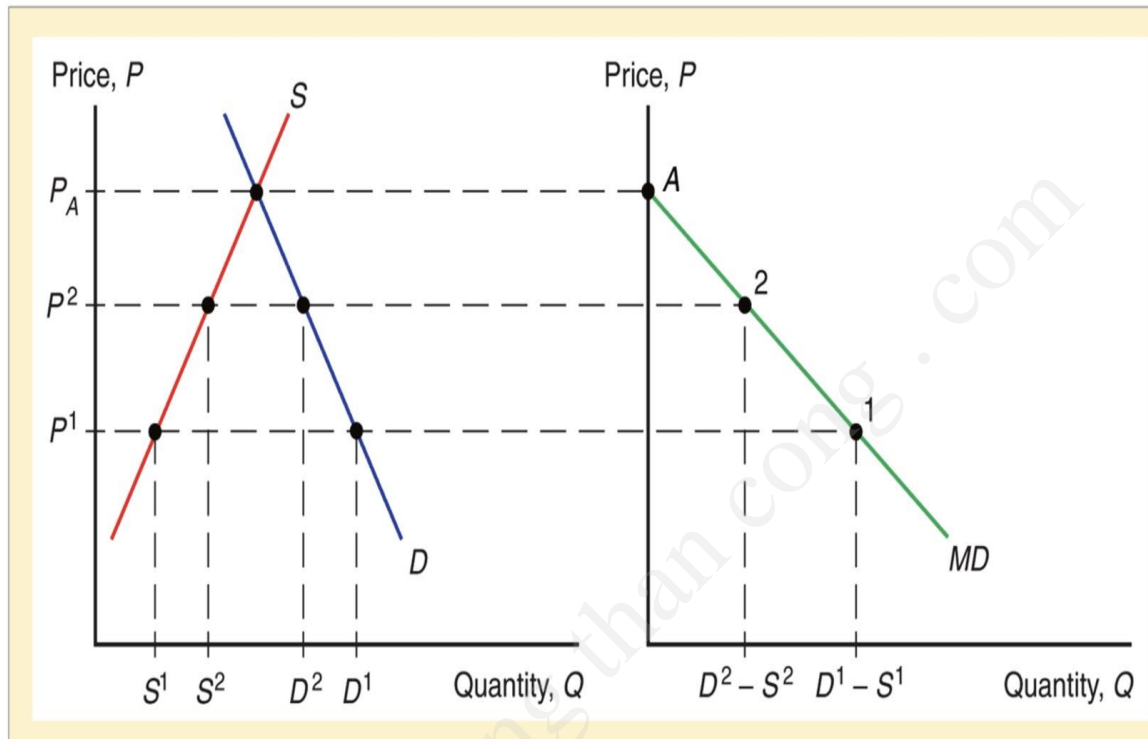
Ví dụ: 10% thuế quan tính theo giá trị đối với xe đạp nhập khẩu

- Thuế quan tính theo số lượng (specific tariff) - là một lượng tiền nhất định tính cho mỗi đơn vị vật lý của hàng hóa.

Ví dụ: Thuế quan 10\$ đối với mỗi đơn vị xe đạp nhập khẩu

- Thuế quan hỗn hợp (compound tariff) – loại là thuế kết hợp giữa thuế quan tính theo giá trị và thuế quan tính theo số lượng.

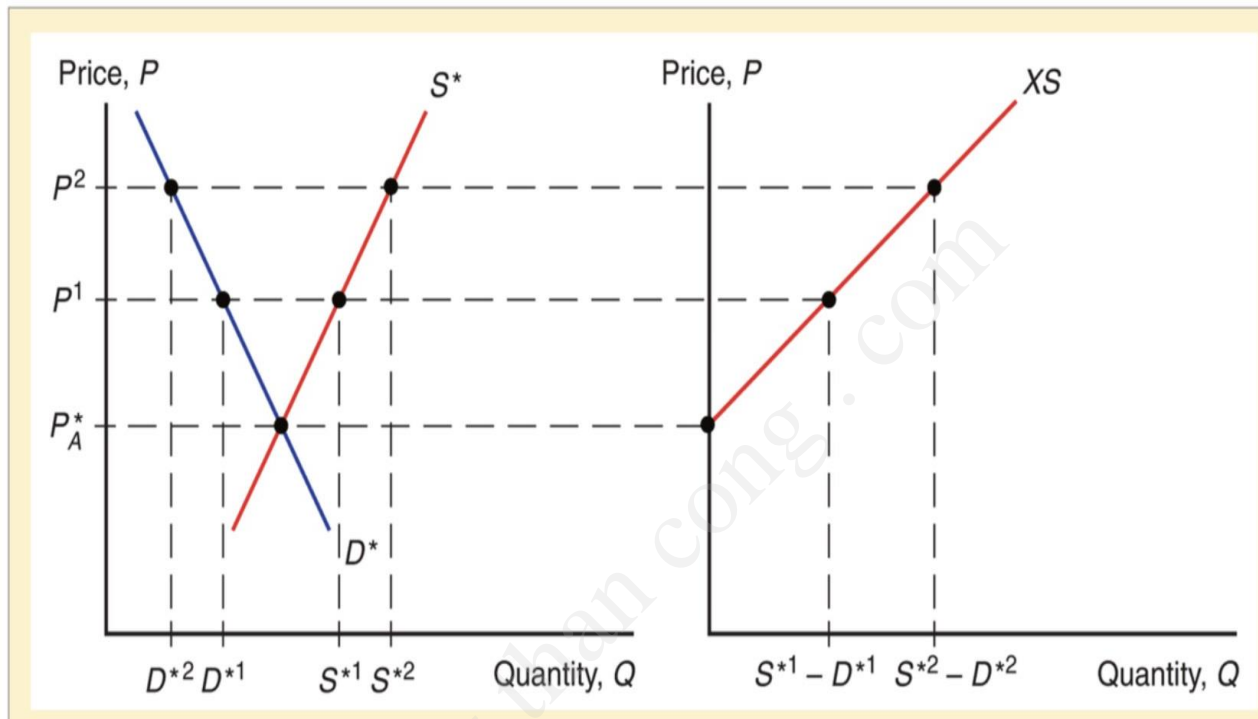
Ví dụ: Thuế quan: 5% tính theo giá trị và thuế 10\$ tính theo số lượng đối với mỗi đơn vị xe đạp nhập khẩu



- Đường cầu nhập khẩu của quốc gia 1 - MD: là chênh lệch giữa nhu cầu tiêu dùng và mức sản xuất của quốc gia 1

$$\mathbf{MD = D(P) - S(P)}$$

- Đường MD có đặc điểm:
 - Cắt trục tung tại mức giá cân bằng của quốc gia 1
 - Có độ dốc xuống

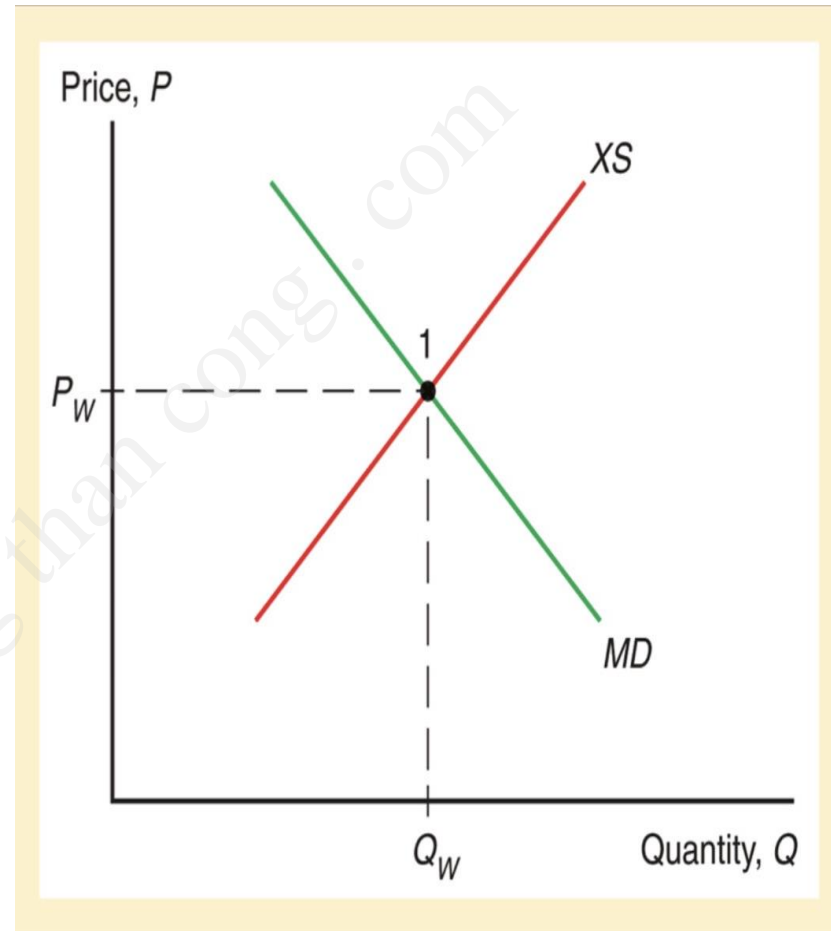


- Đường cung xuất khẩu của quốc gia 2 – XS là chênh lệch giữa mức cung trong nước và nhu cầu tiêu dùng của quốc gia 2

$$XS = S^*(P^*) - D^*(P^*)$$

- Đường XS có đặc điểm:
 - Cắt trục tung tại mức giá cân bằng của quốc gia 2
 - Có độ dốc lên

Như vậy, **khí thương mại tự do**: quốc gia 1 và quốc gia 2 sẽ trao đổi tại điểm 1 (giao điểm của XS và MD) với Q_w hàng hóa X và mức giá là P_w



Ở điểm cân bằng, **Cầu nhập khẩu = Cung xuất khẩu**

⇔ Cầu nội địa – Cung nội địa = Cung nước ngoài – Cầu nước ngoài

⇔ Cầu nội địa + Cầu nước ngoài = Cung nước ngoài + Cung nội địa

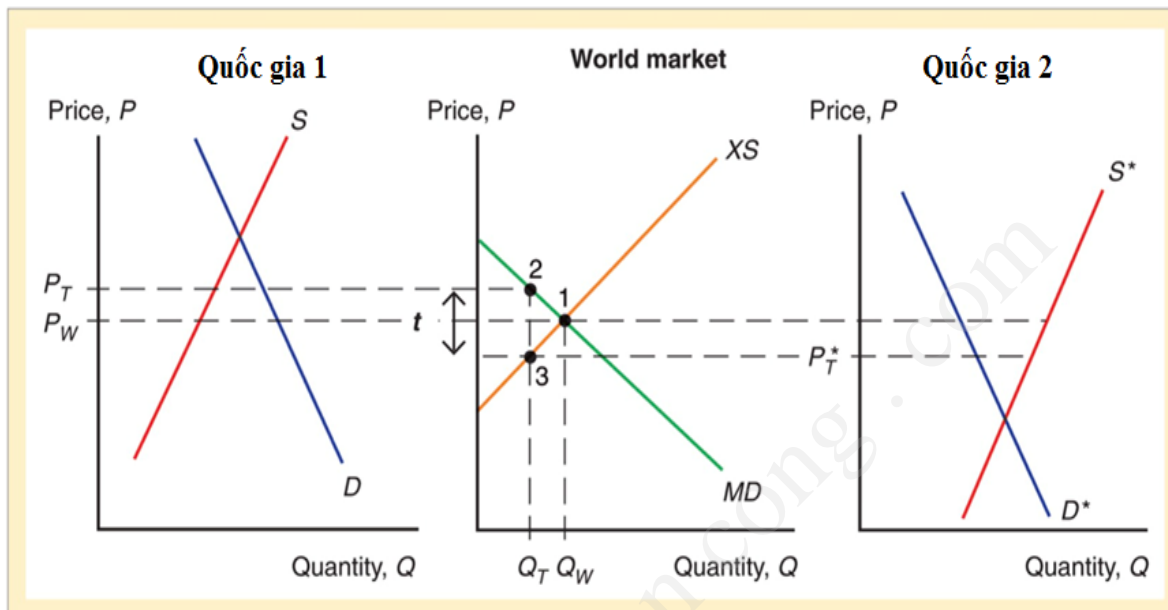
⇔ Cầu thế giới = Cung thế giới

Tác động chung của thuế quan

- Giả sử: Quốc gia 1 và quốc gia 2 là hai nước có quy mô tương đương nhau
- Khi thương mại tự do, mức giá thế giới của hàng hóa X cân bằng ở cả hai quốc gia là P_w
- Quốc gia 1 đánh thuế t đối với mỗi đơn vị hàng hóa X nhập khẩu => Giá ở quốc gia 1 tăng đến P_T
- Quốc gia 2 sẽ không xuất khẩu hàng hóa X nếu như chênh lệch mức giá giữa 2 quốc gia nhỏ hơn t .
- Ở quốc gia 2 mức giá giảm xuống tới P^*T **cho đến khi sự khác biệt giữa P_T và P^*T là t .**

$$P_T - P^*T = t$$

$$P_T = P^*T + t$$



- Ở quốc gia 1, do mức giá cao, nguồn cung nội địa của hàng hóa X tăng và cầu tiêu dùng nội địa giảm.
=> Nhu cầu nhập khẩu ở quốc gia 1 sẽ giảm từ Q_W xuống Q_T .
- Ở quốc gia 2, do mức giá giảm, nguồn cung nội địa của hàng hóa X giảm và cầu tiêu dùng nội địa tăng.
=> Cung hàng hóa xuất khẩu ở quốc gia 2 giảm từ Q_W to Q_T
=> Tác động của thuế quan

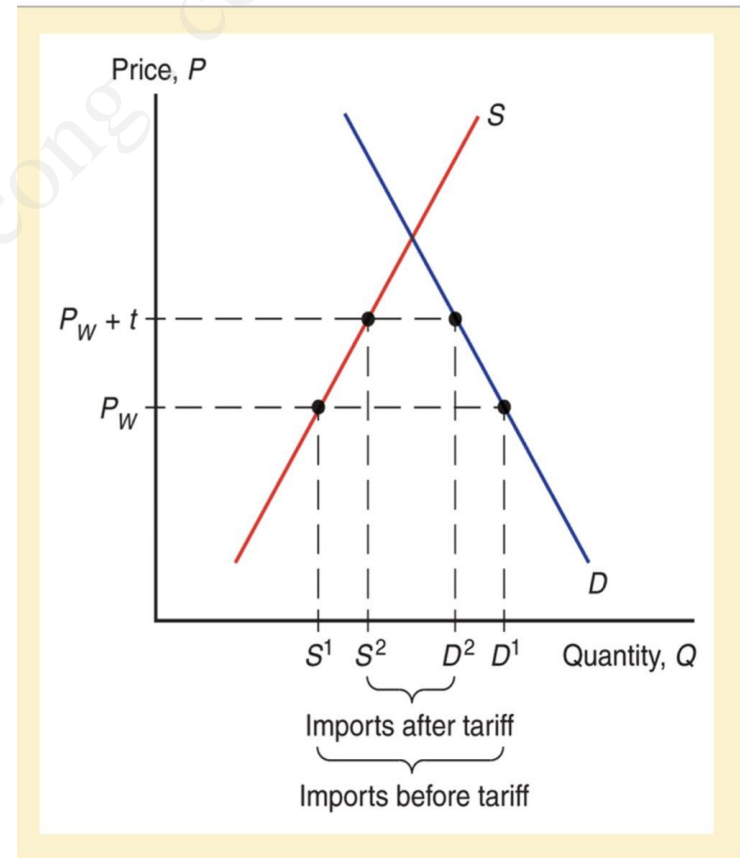
Tác động chung của thuế quan

- Tuy quốc gia 1 là nước áp dụng thuế quan nhưng giá hàng hóa X ở quốc gia 1 tăng ít hơn mức thuế quan bởi vì một phần tác động của thuế quan đã được phản ánh trong mức giá xuất khẩu ở quốc gia 2
- Với mức thuế quan t , cầu nhập khẩu ở quốc gia 1 (import demand) bằng cung xuất khẩu ở quốc gia 2 (export supply) khi $P_T - P^*T = t$

Tác động của thuế quan trường hợp một nước nhỏ

Một quốc gia nhỏ thì thuế quan sẽ không ảnh hưởng tới mức giá thế giới.

- Giá thế giới hay giá ở quốc gia 2 sẽ không giảm, vẫn giữ mức P_w
- Giá ở quốc gia 1 sẽ tăng tới $P_T = P_w + t$
- Nhu cầu nhập khẩu ở quốc gia 1 sẽ giảm từ $D1 - S1$ xuống $D2 - S2$



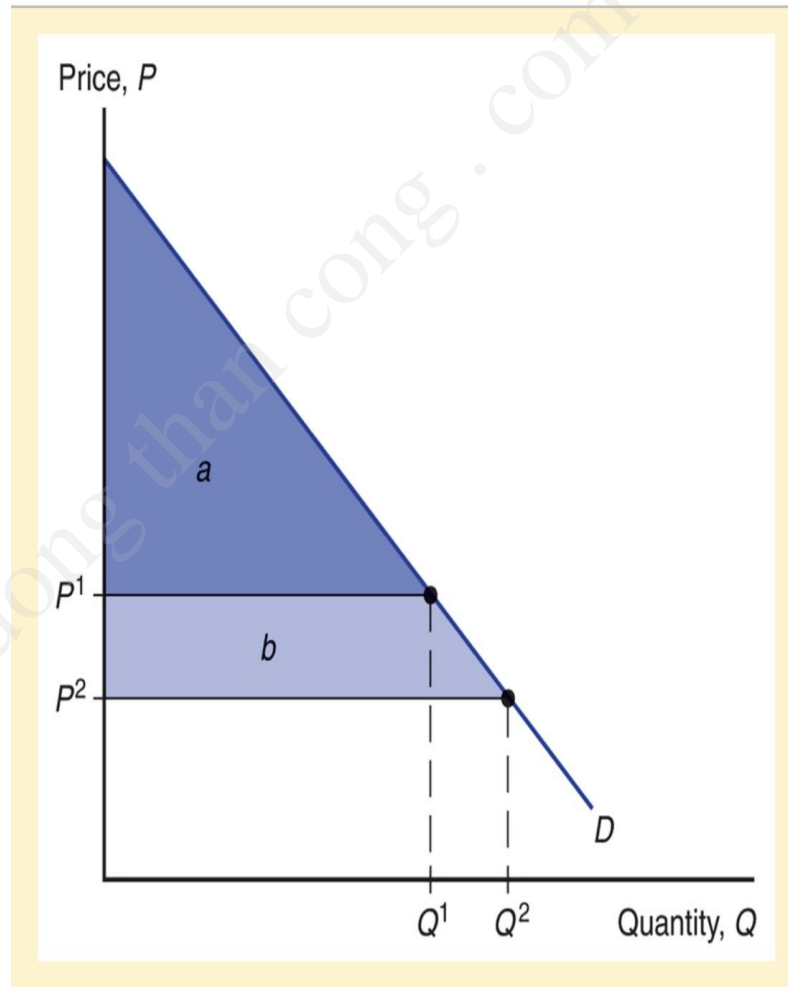
Chi phí và lợi ích của thuế quan

- Vì thuế làm tăng giá ở nước nhập khẩu, nên thuế làm người dân bị thiệt hơn, trong khi làm tăng lợi ích cho người sản xuất
- Nhà nước thì thu được nguồn thu thuế
- Làm thế nào để tính được chi phí và lợi ích của thuế quan?
- Chúng ta sử dụng khái niệm “Thặng dư người tiêu dùng” và “Thặng dư nhà sản xuất”

Thặng dư của người tiêu dùng

- **Thặng dư của người tiêu dùng** là lượng chênh lệch giữa giá mà người tiêu dùng sẵn sàng trả cho mỗi đơn vị hàng hóa và giá mà thực tế họ phải trả cho mỗi đơn vị hàng hóa (giá của đơn vị hàng hóa cuối cùng mà họ mua).
- **Ví dụ:** người tiêu dùng sẵn sàng trả \$8 cho 1kg táo nhưng giá của táo là \$3/kg=> thặng dư của người tiêu dùng trong trường hợp này là \$5.
- Giá mà người tiêu dùng sẵn sàng trả được xác định bằng đường cầu tại điểm đó
- **Khi giá tăng=> thặng dư của người tiêu dùng giảm**

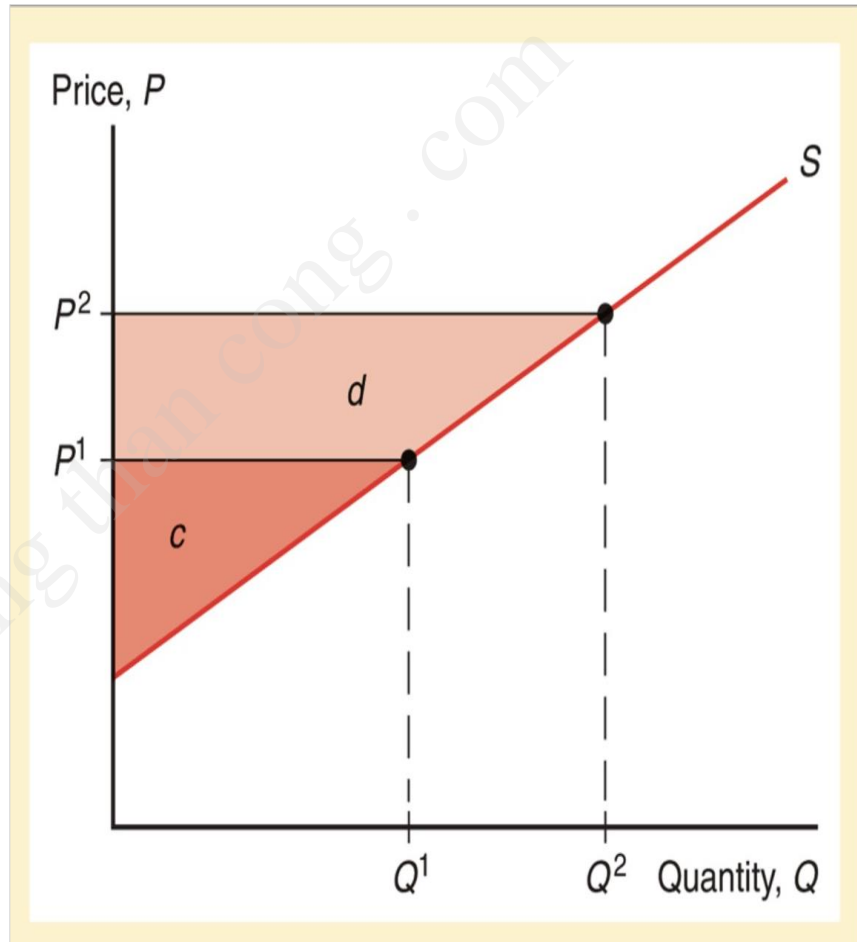
Thặng dư của người tiêu dùng là vùng dưới đường cầu (D) và nằm trên mức giá



Thặng dư của nhà sản xuất

- **Thặng dư của nhà sản xuất** là khoản chênh lệch giữa giá thực tế mà nhà sản xuất bán ra và giá mà nhà sản xuất sẵn sàng bán sản phẩm
- **Ví dụ:** nhà sản xuất sẽ sẵn sàng bán một cái bút với giá 1\$, nhưng giá khi bán ra thị trường là 2\$/bút => thặng dư của nhà sản xuất là 1\$
- Giá mà nhà sản xuất sẵn sàng bán được xác định bởi đường cung sản phẩm
- **Khi giá tăng, thặng dư của nhà sản xuất cũng tăng lên và ngược lại**

Thặng dư của nhà sản xuất là vùng nằm trên đường cung và dưới mức giá



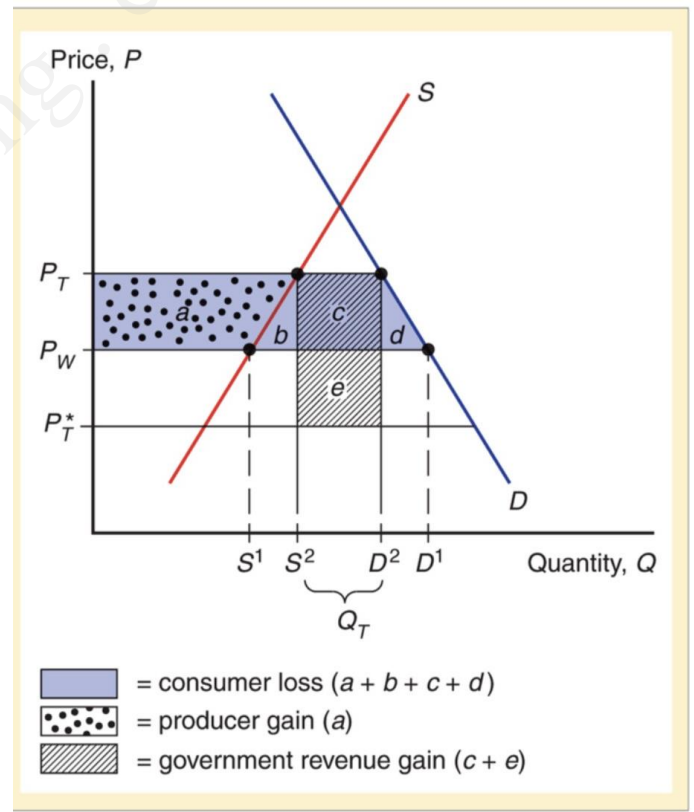
Chi phí và lợi ích của thuế quan

- Vì thuế làm tăng giá ở nước nhập khẩu, nên thuế làm **thặng dư của người tiêu dùng giảm đi**, và làm **thặng dư của nhà sản xuất tăng lên**
- **Doanh thu của nhà nước tăng** nhờ nguồn thu thuế

Chi phí và lợi ích của thuế quan

**Đối với nước nhập khẩu,
khi giá tăng từ P_w lên P_t**

- Thặng dư của NTD giảm: $a+b+c+d$
- Thặng dư của nhà sản xuất tăng: a
- Nguồn thu chính phủ tăng:
$$t \cdot Q_T = (P_t - P_t^*)(D^2 - S^2) = c + e$$
- Toàn xã hội = thặng dư của NTD + thặng dư của nhà sản xuất + chính phủ = $e - b - d$

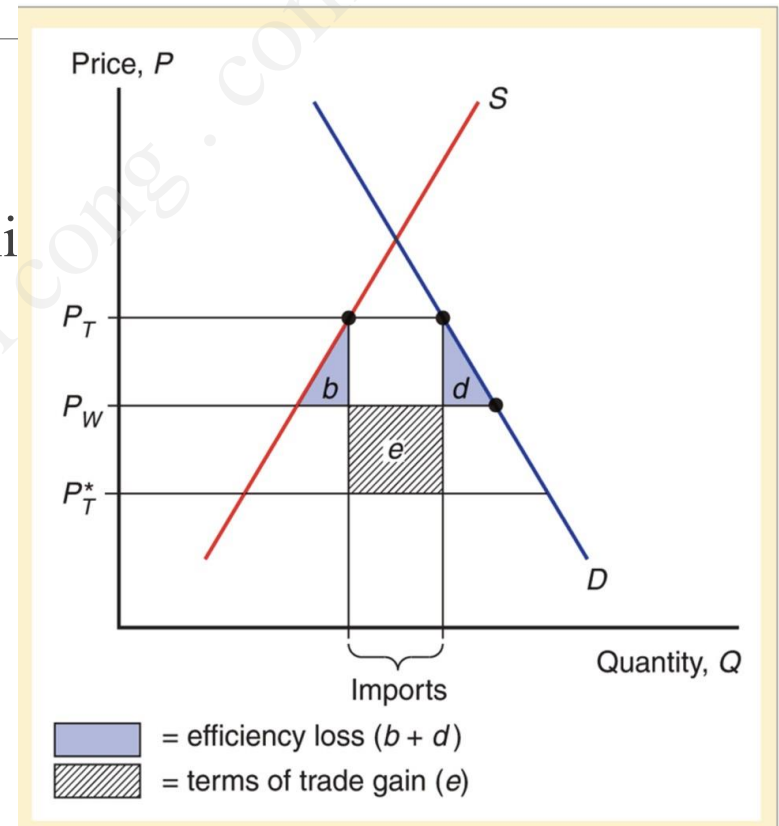


Chi phí và lợi ích của thuế quan

- Đối với một nước lớn (chính sách thuế quan có thể ảnh hưởng đến giá của nước ngoài), hiệu quả phúc lợi của thuế quan có thể không rõ ràng (e-b-d)
- **b và d được gọi là chi phí bảo hộ hay khoản mất trắng**, với:
 - b: lệch lạc trong sản xuất gây nên bởi thuế quan
 - d: lệch lạc trong tiêu dùng gây nên bởi thuế quan
- **Lệch lạc trong sản xuất (b)** tăng lên vì, thuế quan đã làm một số nguồn lực sản xuất trong nước chuyển từ việc sản xuất có thể xuất khẩu Y sang sản xuất có thể nhập khẩu X kém hiệu quả hơn.
- **Lệch lạc trong tiêu dùng (d)** tăng lên bởi vì thuế quan làm tăng giá tương đối hàng hóa X so với hàng hóa Y một cách giả tạo và làm bóp méo tiêu dùng.
- **Nguồn thu của chính phủ: $c+e$**
 - c - phần mất đi của thặng dư NTD
 - e - phần thu được từ tỷ lệ trao đổi (term of trade gain)

Chi phí và lợi ích của thuế quan

- Nếu phần thu được từ tỷ lệ trao đổi -terms of trade (e) lớn hơn chi phí bảo hộ ($b+d$) thì phúc lợi quốc gia tăng lên nhờ thuế
- Đây là phần mà nước xuất khẩu chi trả



Chi phí và lợi ích của thuế quan

- **Thuế quan đã phân phối lại thu nhập** từ những người tiêu dùng nội địa (những người trả giá cao hơn cho hàng hóa) sang những nhà sản xuất hàng hóa đó ở nội địa (những người nhận được mức giá cao hơn)
- **Thuế quan cũng phân phối lại sản xuất:** từ các yếu tố dư thừa của quốc gia (sản xuất hàng hóa xuất khẩu) sang các yếu tố khan hiếm của quốc gia (sản xuất hàng hóa nhập khẩu)

Bảng 3.2: Tác động kinh tế của thuế quan nhập khẩu ở Mỹ đối với một số sản phẩm năm 1990

Sản phẩm	Thuế quan (%)	Chi phí tiêu dùng (tr.\$)	Doanh thu thuế quan (tr.\$)	Khoản lợi sản xuất (tr.\$)	Khoản mất trắng (tr.\$)	Chi phí tiêu dùng trên mỗi công việc (tr.\$)
Ngồi gôm	19.0	139	92	45	2	401
Trang sức cho quần áo	9.0	103	51	46	5	97
Nước cam cô đặc ướp lạnh	30.0	281	145	101	35	57
Hàng thủy tinh	11.0	266	95	162	9	180
Hành lý	16.5	211	169	16	26	934
Giày cao su	20.0	208	141	55	12	122
Giày phụ nữ	10.0	376	295	70	11	102
Túi xách phụ nữ	9.0	103	51	46	5	97

Nguồn: Dominick Salvatore, *International Economics*, trang 250

Tỷ lệ bảo hộ hiệu quả

- **Tỷ lệ bảo hộ hiệu quả** là tỷ lệ phần trăm giữa thuế quan danh nghĩa và giá trị nội địa tăng thêm (bằng với mức giá của hàng hóa cuối cùng trừ đi chi phí của việc nhập khẩu các yếu tố đầu vào để sản xuất hàng hóa đó).
- Một quốc gia thường áp dụng mức thuế tự do hoặc mức thuế thấp đối với các yếu tố đầu vào hơn là đối với các hàng hóa cuối cùng có thể được sản xuất bằng các yếu tố đầu vào đó. Điều này nhằm khuyến khích sản xuất trong nước và tăng việc làm.
- **Ví dụ:** Ví dụ, một quốc gia có thể nhập khẩu len tự do nhưng sẽ đánh thuế đối với áo len nhập khẩu để khuyến khích sản xuất áo len trong nước và tăng việc làm nội địa.

Tỷ lệ bảo hộ hiệu quả

- Tỷ lệ thuế quan danh nghĩa rất quan trọng đối với người tiêu dùng (bởi vì nó chỉ ra mức giá của hàng hóa cuối cùng sẽ tăng lên bao nhiêu khi có thuế quan),
- Tỷ lệ bảo hộ hiệu quả lại rất quan trọng đối với nhà sản xuất vì nó chỉ ra mức độ bảo hộ thực sự dành cho các nhà sản xuất nội địa khi nhập khẩu hàng hóa.

Tỷ lệ bảo hộ hiệu quả

- **Ví dụ:** giả sử giá trị len nhập khẩu để sản xuất một cái áo là 80\$ Khi thương mại tự do, giá của một cái áo là 100 \$.
- Nếu quốc gia áp dụng thuế quan danh nghĩa 10% đối với mỗi cái áo nhập khẩu, giá áo đối với người tiêu dùng nội địa bây giờ là 110 \$
- Trong đó, 80\$ là giá trị len nhập khẩu, 20\$ là giá trị nội địa tăng thêm và 10\$ thể hiện thuế quan.
- Mức thuế 10\$ đối với mỗi đơn vị áo nhập khẩu thể hiện tỷ lệ thuế quan danh nghĩa 10% được tính dựa trên giá trị của hàng hóa cuối cùng ($10/100 = 10\%$)
- Tỷ lệ thuế quan hiệu quả ($10\$/20\$ = 50\%$)

Tỷ lệ bảo hộ hiệu quả

- Trong khi người tiêu dùng chỉ quan tâm tới thực tế rằng 10\$ thuế quan đã là tăng giá áo mà họ mua thêm 10\$ hay 10%
- Nhà sản xuất lại nhìn nhận 10\$ thuế quan là bằng 50% của 20\$ tăng thêm trong sản xuất áo ở nội địa.
- Điều này thể hiện mức độ bảo hộ lớn hơn (gấp 5 lần) so với 10% tỷ lệ thuế quan danh nghĩa.
=> **Tỷ lệ thuế quan danh nghĩa không thể hiện được một tỷ lệ bảo hộ thực tế**

Tỷ lệ bảo hộ hiệu quả

$$g = \frac{t - a_i t_i}{1 - a_i} \quad (1)$$

Trong đó:

- g : tỷ lệ bảo hộ hiệu quả đối với nhà sản xuất hàng hóa cuối cùng
- t : tỷ lệ thuế quan danh nghĩa đối với người tiêu dùng hàng hóa cuối cùng
- a_i : tỷ lệ giữa chi phí của các yếu tố đầu vào nhập khẩu và giá của hàng hóa cuối cùng khi không có thuế quan
- t_i : tỷ lệ thuế quan danh nghĩa đánh vào yếu tố đầu vào nhập khẩu

Chú ý: thuế đánh vào các yếu tố đầu vào nhập khẩu là thuế đánh vào các nhà sản xuất nội địa vì nó làm tăng chi phí sản xuất của họ => không khuyến khích sản xuất nội địa

Tỷ lệ bảo hộ hiệu quả

- Trong ví dụ, giá trị len để sản xuất áo là 80\$. Khi TM tự do, giá áo len là 100\$, thuế quan danh nghĩa 10% đối với mỗi cái áo nhập khẩu

- $t = 10\%$ hay $0,1$, $a_i = 0,8$ và $t_i = 0$
 $\Rightarrow g = 0,1 / (1 - 0,8) = 50\%$

	ti	g
t=10%	0%	50%
	5%	30%
	10%	10%
	20%	-30%
	30%	-70%

- Nếu đánh thuế 10% vào len nhập khẩu $\Rightarrow t_i = 0,1$
 $\Rightarrow g = (0,1 - 0,8 * 0,1) / (1 - 0,8) = 0,1 = 10\%$
- Nếu đánh thuế 20% vào len nhập khẩu $\Rightarrow t_i = 0,2$
 $\Rightarrow g = (0,1 - 0,8 * 0,2) / (1 - 0,8) = -0,3 = -30\%$

Tỷ lệ bảo hộ hiệu quả

- Nếu các yếu tố đầu vào được nhập khẩu tự do hay chịu mức thuế thấp hơn hàng hóa cuối cùng ($t_i < t$), thì tỷ lệ bảo hộ hiệu quả sẽ vượt quá tỷ lệ thuế quan danh nghĩa.
- Nếu thuế quan đánh vào yếu tố đầu vào bằng với mức thuế quan danh nghĩa đánh vào hàng hóa cuối cùng ($t_i = t$), thì tỷ lệ bảo hộ hiệu quả bằng thuế quan danh nghĩa
- Nếu thuế quan đánh vào yếu tố đầu vào cao hơn mức thuế quan danh nghĩa đánh vào hàng hóa cuối cùng ($t_i > t$), thì tỷ lệ bảo hộ hiệu quả thấp hơn thuế quan danh nghĩa.

Tỷ lệ bảo hộ hiệu quả

- **Hầu hết các nước công nghiệp đều có cơ cấu thuế quan leo thang** với một mức thuế quan danh nghĩa rất thấp hay bằng không đối với nguyên liệu thô và tỷ lệ ngày càng cao trong quá trình sản xuất.
- **Ví dụ:** Các nước công nghiệp áp dụng thuế quan nhập khẩu trung bình khoảng 2.1% đối với nguyên liệu thô, 5.3% đối với bán thành phẩm và 9.1% đối với thành phẩm.

Tỷ lệ thuế quan danh nghĩa và tỷ lệ bảo hộ hiệu quả ở một số nước công nghiệp

Mặt hàng	US		EU		Nhật Bản	
	<i>t</i>	<i>g</i>	<i>t</i>	<i>g</i>	<i>t</i>	<i>g</i>
Các sản phẩm da	4.2	5.0	2.0	-2.2	3.0	-14.8
Giày dép	8.8	15.4	11.6	20.1	15.7	50.0
Các sản phẩm gỗ	1.7	1.7	2.5	1.7	0.3	-30.6
Đồ gỗ	4.1	5.5	5.6	11.3	5.1	10.3
Giấy và các sản phẩm giấy	0.2	-0.9	5.4	8.3	2.1	1.8
In ấn và xuất bản	0.7	0.9	2.1	-1.0	0.1	-1.5
Hóa chất	2.4	3.7	8.0	11.7	4.8	6.4
Xăng và các sản phẩm liên quan	1.4	4.7	1.2	3.4	2.2	4.1
Các sản phẩm cao su	2.5	2.0	3.5	2.3	1.1	-5.0
Thủy tinh và các sản phẩm thủy tinh	6.2	9.8	7.7	12.2	5.1	8.1
Sắt và thép	3.6	6.2	4.7	11.6	2.8	4.3
Máy móc không liên quan tới điện	3.3	4.1	4.4	4.7	4.4	6.7
Máy móc điện tử	4.4	6.3	7.9	10.8	4.3	6.7
Phương tiện giao thông	2.5	1.9	8.0	12.3	1.5	0.0
Trung bình số học đơn giản	4.7	7.8	6.1	8.7	6.1	10.0

Nguồn: Dominick Salvatore, *International Economics*, trang 254

Tóm tắt nội dung bài học

1. Thuế quan là một loại thuế đánh vào hàng hóa khi nó được vận chuyển xuyên qua biên giới quốc gia. Dưới tác động của xu hướng tự do hóa thương mại, thuế quan ngày nay có xu hướng giảm
2. Tùy theo, có nhiều cách phân loại thuế quan khác nhau, phổ biến là thuế quan nhập khẩu và thuế quan tính theo phần trăm hàng hóa
3. Thuế quan làm tăng giá hàng hóa ở nước nhập khẩu một lượng nhỏ hơn thuế quan t, đồng thời làm giảm giá hàng hóa của nước xuất khẩu
4. Thuế quan làm giảm cầu nhập khẩu của quốc gia nhập khẩu giảm xuống, đồng thời làm cung xuất khẩu của nước xuất khẩu cũng giảm đi

Tóm tắt nội dung bài học

5. Một quốc gia nhỏ thì thuế quan sẽ không ảnh hưởng tới mức giá thế giới, thuế quan sẽ được phản ánh hoàn toàn ở giá hàng hóa nội địa
($PT = Pw + t$)
6. Vì thuế làm tăng giá ở nước nhập khẩu, nên thuế làm **thặng dư của người tiêu dùng giảm đi**, và làm **thặng dư của nhà sản xuất tăng lên**, doanh thu của nhà nước tăng nhờ nguồn thu thuế
7. **Tỷ lệ bảo hộ hiệu quả** là tỷ lệ phần trăm giữa thuế quan danh nghĩa và giá trị nội địa tăng thêm (bằng với mức giá của hàng hóa cuối cùng trừ đi chi phí của việc nhập khẩu các yếu tố đầu vào để sản xuất hàng hóa đó)
8. **Tỷ lệ thuế quan danh nghĩa không thể hiện được một tỷ lệ bảo hộ thực tế**